

Bản án số: 119/2025/HC-PT

Ngày 11/02/2025.

*V/v khiếu kiện quyết định xử  
phạt vi phạm hành chính và  
hành vi hành chính trong lĩnh  
vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà **Trần Thị Kim Liên**

*Các Thẩm phán:*

ông **Lê Tự**

ông **Trần Đức Kiên**

**- Thư ký phiên tòa:** ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** ông **Phạm Tấn Anh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 413/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** ông Phan Chí Cao

Địa chỉ: **thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* ông **Võ Đình S** - sinh năm 1979; địa chỉ: **số A đường S, phường E, Tp., tỉnh Đắk Lắk** (văn bản ủy quyền ngày 24/4/2024). Có mặt.

**2. Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thiên V - chức vụ: Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền số 5353/GUQ-UBND ngày 18/6/2024). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk: ông Lê Minh Đ - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk và ông Hồ Đức V1 - chuyên viên phòng Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn N - chức vụ: Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Hữu Q - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND (văn bản ủy quyền số 03/UQ-UBND ngày 10/6/2024). Vắng mặt.

**3. Người kháng cáo:** người khởi kiện ông Phan Chí C1 và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90, diện tích 11.176,4m<sup>2</sup> thuộc thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do Nhà nước giao cho Liên hiệp Lâm nông công nghiệp Ea Súp thuộc tiểu khu B do Lâm trường Rừng xanh quản lý, sử dụng trước năm 1993. Năm 1993, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho phép Liên hiệp Lâm nông công nghiệp Ea Súp khai hoang, phục hóa một số diện tích đất rừng nghèo trên vùng đất thung lũng trống không có khả năng khai thác rừng sản xuất để chuyển đổi sang đất trồng cây lương thực (chủ yếu là trồng lúa).

Ngày 12/3/1994, Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E (bên A) có ký Hợp đồng liên kết sản xuất nông sản với ông Nguyễn Văn S1 (bên B) - ông S1 đại diện cho nhóm hộ dân liên kết sản xuất trồng lúa, lúc này người phụ trách lực lượng lao động tại chỗ là ông Phan Văn H (hiện nay cả ông S1 và ông H đều đã chết). Các bên có ký Hợp đồng liên kết sản xuất nông sản số 258 ngày 12/3/1994 để liên kết sản xuất nông sản. Ngày 13/3/1999, do không am hiểu pháp luật nên ông Phan Văn H ký hợp đồng thuê đất với UBND xã E, diện tích 15,1ha. Theo đó, ông H phải đóng sản lượng nông nghiệp cho xã E.

Kể từ thời điểm năm 1994 đến nay các hộ dân vẫn sử dụng đất để trồng lúa, trong đó có hộ gia đình ông **Phan Chí C1**. Các hộ dân sử dụng đất ổn định, liên tục và lâu dài, không tranh chấp với tổ chức cá nhân nào.

Ngày 10/4/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-UBND để xử phạt với ông **Phan Chí C1** về hình vi: chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn với diện tích 11.176,4m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90 thuộc khu vực **thôn E, xã E, huyện E**. Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 105.000.000đồng. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện: buộc ông **Phan Chí C1** khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn chiếm cho **UBND xã E, huyện E** để quản lý theo quy định và buộc ông **Phan Chí C1** phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm, với số tiền 114.360.459đồng.

Xét thấy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 là vi phạm quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Thứ nhất: ông **Phan Chí C1** không có hành vi lấn chiếm đất, ông **C1** sử dụng đất theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk vào năm 1993 nên đã khai hoang rừng nghèo để trồng lúa. Tại thời điểm đó ông **S1**, ông **H** đại diện các hộ dân ký hợp đồng liên kết với Liên hiệp lâm nông công nghiệp **E**, sau đó ông **C1** sử dụng đất để trồng lúa thì **UBND huyện E** và **UBND xã E** đều biết rõ nguồn gốc đất và có xác nhận điều kiện sản xuất của nhóm hộ gia đình liên kết sản xuất gặp khó khăn trở ngại vào ngày 08/9/1994. Cho nên, vào năm 1994 diện tích đất tại **tiểu khu B** (trong đó có thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90 hiện nay) đã được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép khai hoang và chuyển mục đích sử dụng từ đất lâm nghiệp sang đất trồng lúa chứ không phải là đất chưa sử dụng.

Thứ 2: thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết vì theo quy định của pháp luật thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm về đất đai. Tức là từ năm 1996 khi ông **Phan Chí C1** vừa mới sử dụng đất thì chính quyền địa phương đã biết nhưng không có ý kiến gì.

Thứ ba: vào thời điểm năm 1997 Nhà nước đã tiến hành đo đạc để lập bản đồ giải thửa và bản đồ địa chính đối với một số hộ dân tại khu vực **tiểu khu B** cũ này, sau đó đến năm 1998 thì một số hộ dân đã được lập bản đồ giải thửa, bản đồ địa chính được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm này ông **Phan Chí C1** chưa được lập bản đồ giải thửa nên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2001, một số hộ dân được lập bản đồ giải thửa và tiếp tục được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hộ ông **Hoàng**

Văn B, hộ ông Hoàng Văn S2, ...). Do đó, từ năm 2001 đến năm 2005 Nhà nước đã có chủ trương, kế hoạch giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp trong khu vực 59 ha thuộc **tiểu khu B** cũ này.

Ngoài ra, ông **C1** đã nhiều lần liên hệ với Ủy ban nhân dân xã E để tiến hành việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã K thực hiện việc lập hồ sơ cấp đất theo quy định của pháp luật. Khi đi nộp hồ sơ để kê khai đăng ký, Ủy ban nhân dân xã T không tiếp nhận, không trả lời bằng văn bản nên ông **C1** không cung cấp được tài liệu.

Từ những lý do trên, ông **Phan Chí C1** đề nghị Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông **Phan Chí C1** theo quy định.

*\* Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là ông Nguyễn Thiên V trình bày:*

1. Nguồn gốc và diễn biến quá trình sử dụng đất:

Diện tích 5.015ha đất tại các Tiểu khu: 195, 203, 204, 219, 220, 221, 229, 230, 233, 234 có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi của Lâm trường Rừng Xanh giao cho Ủy ban nhân dân huyện E quản lý tại Quyết định số 2871/QĐ-UB ngày 30/10/2002, trong đó có Tiểu khu 195 (708ha) và 203 (225,5ha) thuộc địa giới hành chính xã E. Ngày 15/01/2003, Ủy ban nhân dân huyện E đã bàn giao lại toàn bộ diện tích đất 935,5ha đất tại Tiểu khu A và Tiểu khu B cho UBND xã E quản lý (trong đó có phần diện tích đất hiện nay ông **Phan Chí C1** đang chiếm sử dụng). Diện tích 11.176,4m<sup>2</sup> đất ông **Phan Chí C1** đang chiếm sử dụng thuộc tiểu khu B, xã E, huyện E thuộc một phần diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện E giao cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý.

2. Việc xử lý vi phạm hành chính đối với ông **Phan Chí C1**:

Ngày 11/3/2024, Ủy ban nhân dân xã E, huyện E tiến hành kiểm tra hiện trạng và lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC đối với ông **Phan Chí C1** về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn, với diện tích 11.176,4m<sup>2</sup> đất, tại các thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90 thuộc khu vực thôn E, xã E, huyện E, vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 12/3/2024, Ủy ban nhân dân xã E có Công văn số 36/UBND-ĐC về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở T để xử lý theo thẩm quyền.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã E tại Công văn số 36/UBND-ĐC ngày 12/3/2024 và ý kiến của Sở T tại Công văn số 1135/STNMT-TTra ngày 10/4/2024; căn cứ quy định tại Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1108/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phan Chí C1, với các hình thức xử phạt như sau:

- Hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105 triệu đồng (áp dụng mức trung bình của khung tiền phạt).

- Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E để quản lý; đồng thời, buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm, với số tiền 9.360.459 đồng.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1108/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phan Chí C1 là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của ông Phan Chí C1 và giữ nguyên Quyết định số 1108/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 đối với ông Phan Chí C1.

*\* Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã E là ông Đinh Hữu Q trình bày:*

Về nguồn gốc đối với diện tích đất mà ông Phan Chí C1 có hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn như sau:

- Ngày 30/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2871/QĐ-UB về việc thu hồi quyền sử dụng đất 5.015ha đất của Lâm trường Rừng Xanh giao cho Ủy ban nhân dân huyện E quản lý tại các Tiểu khu: 195, 203, 204, 219, 220, 221, 229, 230, 233, 234, trong đó Tiểu khu A (708ha) và 203 (225,5ha) thuộc địa giới hành chính xã E.

- Ngày 15/01/2003, Ủy ban nhân dân huyện E đã bàn giao lại toàn bộ diện tích đất 935,5ha tại Tiểu khu A và Tiểu khu B cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý, sử dụng. Toàn bộ diện tích đất mà ông Phan Chí C1 có hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn thuộc Tiểu khu B, đất do Ủy ban nhân dân xã E quản lý.



Qua kiểm tra đối chiếu hồ sơ địa chính (tờ bản đồ giải thửa số 04, sổ Mục kê, sổ Địa chính) đã được thành lập năm 1997-1998 thì toàn bộ diện tích đất mà ông **Phan Chí C1** có hành vi chiếm đất tại các thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ địa chính số 90, hiện nay thuộc tờ bản đồ số 04, **xã E** được đo đạc năm 1998. Người sử dụng đất đã được thể hiện trong sổ Mục kê, sổ Địa chính là **Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Khi lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC đối với ông **Phan Chí C1** về hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn với diện tích 11.176,4m<sup>2</sup>, **Ủy ban nhân dân xã C** vào kết quả đo đạc hiện trạng do chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** đo đạc, với tổng diện tích 11.176,4m<sup>2</sup> tại các thửa 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90.

Việc xử lý vi phạm hành chính đối với ông **Phan Chí C1**: **Ủy ban nhân dân xã E** đã ban hành Thông báo 03 lần (Thông báo số 27/TB-UBND ngày 08/4/2024; Thông báo số 39/TB-UBND ngày 22/4/2024; Thông báo số 44/TB-UBND ngày 03/5/2024) đối với diện tích đất 5,95ha gửi đến gia đình các con ông **Phan Văn H** và vợ là bà **Nguyễn Thị Mươi M**, trong đó có con: ông **Phan Chí C1**, trú tại **thôn E, xã E**. Tuy nhiên, sau khi thông báo 3 lần, ông **Phan Chí C1** vẫn không chấp hành thực hiện giao trả lại diện tích đất đã chiếm để **Ủy ban nhân dân xã E** quản lý theo quy định.

Ngày 11/3/2024, **Ủy ban nhân dân xã E** tiến hành kiểm tra hiện trạng và lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC đối với ông **Phan Chí C1** về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn, với diện tích 11.176,4m<sup>2</sup> đất, tại các thửa đất số 39; 41; 45, tờ bản đồ số 90 thuộc khu vực **thôn E, xã E, huyện E**; vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 12/3/2024, **Ủy ban nhân dân xã E** ban hành Công văn số 36/UBND-ĐC về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính đến UBND tỉnh Đắk Lắk và **Sở T** để xử lý theo thẩm quyền. Ngày 10/4/2024, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk** ban hành Quyết định số 1108/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **Phan Chí C1**.

- Đối với nội dung buộc **UBND xã E** thực hiện đầy đủ thủ tục kê khai, đăng ký về đất đai để UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Phan Chí C1**: căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 102 của Luật Đất đai năm 2013 trường hợp người sử dụng đất có đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành thì được cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2024/HC-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022); Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Phan Chí C1** về việc tuyên hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về hình thức xử phạt chính phạt tiền 105.000.000đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phan Chí C1** về việc hủy các biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông **Phan Chí C1** khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, trả lại diện tích đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện E để quản lý theo quy định và buộc ông **Phan Chí C1** nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 9.360.459đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông **Phan Chí C1** theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2024, người khởi kiện ông **Phan Chí C1** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về biện pháp khắc phục hậu quả và buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông.

Ngày 16/10/2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Không đồng ý việc tuyên hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108 đối với hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105.000.000đồng. Đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Võ Đình S** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Phan Chí C1** và bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Đắk Lắk**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Đắk Lắk** là ông **Nguyễn Thiên V** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã **E**, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Đắk Lắk** đều vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính tiến hành xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông **Phan Chí C1** và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Đắk Lắk**, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Ngày 12/3/1994, giữa ông **Nguyễn Văn S1** (là người đại diện cho nhóm hộ dân liên kết sản xuất nông sản) và **Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E** ký Hợp đồng liên kết sản xuất nông sản (trồng lúa) số 258/KH với diện tích 700ha thuộc các khu vực: Lâm trường Rừng Xanh gồm: 500ha, **Lâm trường E** gồm: 100ha, Lâm trường EaHMơ gồm 100ha trên vùng đất thung lũng trồng có khả năng sản xuất. Sau đó, ông **Phan Văn H** (là cha của ông **Phan Chí C1**) đã ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân xã **E**. Sau khi hết hợp đồng thuê đất vào ngày 15/10/1999, gia đình ông **H** tiếp tục sử dụng. Sau khi ông **H** chết thì các con của ông **H** tiếp tục sử dụng, trong đó: ông **Phan Chí C1** sử dụng các thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90 thuộc **Tiểu khu B**, xã **E** do **Lâm trường R** quản lý để trồng lúa. Ngày 30/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh **Đắk Lắk** đã ban hành Quyết định số 2871/QĐ-UB về việc thu hồi quyền sử dụng đất 5.015ha đất của Lâm trường Rừng Xanh (thuộc **Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E**) giao cho Ủy ban nhân dân huyện **E** quản lý tại các **Tiểu khu**: 195, 203, 204, 219, 220, 221, 229, 230, 233, 234, trong đó **Tiểu khu A** (708ha) và **Tiểu khu B** (225,5ha) thuộc địa giới hành chính xã **E**. Ngày 15/01/2003, Ủy ban nhân dân huyện **E** đã bàn giao lại toàn bộ diện tích đất 935,5ha tại **Tiểu khu A** và **Tiểu khu B** cho Ủy ban nhân dân xã **E** quản lý, sử dụng. Như vậy, diện tích đất mà ông **Nguyễn Văn S1**



ký Hợp đồng liên kết với Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E (trong đó có phần diện tích ông Phan Chí C1 sử dụng) đã bị thu hồi vào năm 2002 và hiện do Ủy ban nhân dân xã E quản lý. Việc ông Phan Chí C1 tự ý sử dụng diện tích 11.176,4m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại khu vực nông thôn thuộc các thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90, thôn E, xã E (trước đây là Tiểu khu B) khi chưa được Ủy ban nhân dân xã E cho phép là hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, quy định tại điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Do đó, Ủy ban nhân dân xã E lập Biên bản vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét thời hiệu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì thấy: tại các Thông báo lần 1 ngày 08/4/2024, Thông báo lần 2 ngày 22/4/2024 và Thông báo lần 3 ngày 03/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã E về việc trả lại diện tích đất đã hết thời hạn thuê thể hiện: ngày 13/2/1998, ông Phan Văn H ký Hợp đồng thuê đất (lần 1) với Ủy ban nhân dân xã E về việc thuê đất sản xuất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân xã E với diện tích đất là 15,1ha, thời hạn thuê đất là từ ngày 13/2/1998 đến hết ngày 30/12/1998; ngày 13/3/1999, ông Phan Văn H ký Hợp đồng thuê đất (lần 2) với Ủy ban nhân dân xã E về việc thuê đất sản xuất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân xã E với diện tích đất là 15,1ha, thời hạn thuê đất là từ ngày 13/3/1999 đến hết ngày 15/10/1999. Từ khi hết thời hạn thuê đất là năm 1999 đến nay, gia đình ông H không trao trả lại đất cho Ủy ban nhân dân xã Q, bố trí sử dụng. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định thời điểm chiếm đất của gia đình ông Phan Chí C1 từ cuối năm 1999 là tương đối phù hợp với các Biên bản làm việc ngày 11/3/2024 và Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC ngày 11/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã E thể hiện thời điểm ông C1 lần chiếm đất từ năm 2000. Như vậy, từ năm 2000 Ủy ban nhân dân xã E đã phát hiện ra hành vi lấn chiếm đất của ông C1 nhưng không lập biên bản vi phạm hành chính kịp thời mà đến ngày 11/3/2024 Ủy ban nhân dân xã E mới lập Biên bản vi phạm hành chính về hành vi chiếm đất của ông Phan Chí C1 và đến ngày 10/4/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-XPHC đối với ông Phan Chí C1 là đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6; khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ và vi phạm điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020. Việc Ủy ban nhân dân xã E cho rằng thời điểm phát hiện vi phạm là ngày

11/3/2024, là không đúng. Do đó, nội dung kháng cáo này của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về biện pháp khắc phục hậu quả: mặc dù thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết nhưng người có thẩm quyền vẫn phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính là đúng quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Việc Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk buộc ông Phan Chí C1 khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý, là đúng quy định của pháp luật. Mặc dù Biên bản làm việc ngày 11/3/2024 và Biên bản vi phạm hành chính ngày 11/3/2024 xác định thời điểm ông Cao chiếm đất là năm 2000. Tuy nhiên, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 05/01/2020 mới quy định về việc thu số lợi bất hợp pháp nên việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định số năm vi phạm được tính từ ngày 05/01/2020 đến ngày lập Biên bản vi phạm hành chính là ngày 11/3/2024 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP). Như vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như đã nêu trên, đồng thời buộc ông C1 nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp 9.360.459đồng là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các điểm a, b, d khoản 3 Điều 5 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông C1.

[2.4] Đối với nội dung kháng cáo của ông Phan Chí C1 về việc buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông theo quy định, Hội đồng xét xử thấy: ông C1 cho rằng đã nộp hồ sơ kê khai đăng ký đối với các thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90 để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã E nhưng Ủy ban nhân dân xã E không tiếp nhận và không xem xét, giải quyết cho ông, tuy nhiên, ông C1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là đã nộp hồ sơ. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã E cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc hộ ông C1 nộp hồ sơ đăng ký kê khai đối với các thửa đất số 39, 41, 45, tờ bản đồ số 90 tại thôn E, xã E nhưng Ủy ban nhân dân xã E cũng không cung cấp. Do đó, nội dung kháng cáo này của ông C1 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C1 về việc yêu cầu Tòa án huỷ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-XPHC ngày

10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105.000.000đồng, đồng thời xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Chí C1 đối với yêu cầu huỷ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108 nêu trên về biện pháp khắc phục hậu quả và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông theo quy định, là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và bác kháng cáo của ông Phan Chí C1 như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo của ông Phan Chí C1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk không được chấp nhận nên ông Phan Chí C1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Chí C1 và bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2024/HC-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 28, Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022); khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.  
Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Chí C1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: huỷ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Phan Chí C1** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1108/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông **Phan Chí C1** khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại diện tích đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E để quản lý theo quy định và buộc ông **Phan Chí C1** nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 9.360.459 đồng.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông **Phan Chí C1** theo quy định.

3. Về án phí: ông **Phan Chí C1** và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk - mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014100 ngày 14/10/2024 (do ông **Võ Đình S** nộp thay) và số 0014151 ngày 24/10/2024 (do bà **Nguyễn Thị Hoàng Y** nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

\* *Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự, người bảo vệ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Thị Kim Liên**





